

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 06/5/2025.

Về việc: "Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LỘC - TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thuý Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Hồng Điệp và bà Lê Thị Thanh Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Khoa Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 25/2025/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2025 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Lê Công D**, sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Thôn ThB 1, xã YK, huyện GiL, tỉnh Hải Dương.

Bị đơn: Chị **Phan Thị Th**, sinh năm: 1990.

ĐKKHKT: Thôn ThB 1, xã YK, huyện GiL, tỉnh Hải Dương.

Nơi ở: Thôn G, xã YK, huyện GiL, tỉnh Hải Dương.

(Anh D và chị Th đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Công D trình bày: Anh và chị Phan Thị Th sau thời gian tìm hiểu 01 tháng thì tự nguyện kết hôn và được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã YK, huyện GiL, tỉnh Hải Dương vào ngày 15/4/2021. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 06 tháng (đến tháng 10 năm 2021) thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh chị không hợp nhau về tính cách, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng không chia sẻ được với nhau, chị Th không có trách nhiệm với gia đình, không chịu khó làm ăn, kinh tế vợ chồng không tập trung, hai người không có sự thấu hiểu với nhau nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. Do mâu thuẫn nên vợ chồng không ai quan

tâm đến ai. Anh chị đã sống ly thân nhiều lần và lần cuối cùng hai người sống ly thân suốt từ giữa năm 2024 cho đến nay. Chị Th đã về ở nhờ nhà bố mẹ đẻ từ đó cho đến nay. Anh D đã đến tìm nhiều lần nhưng chị Th không về nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, lạnh nhạt. Nay, anh nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa anh chị không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Th để ổn định cuộc sống.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải, chị Phan Thị Th trình bày: Về điều kiện kết hôn, về cuộc sống chung, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như nội dung anh D đã trình bày. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do khi đi kiểm tra tiền hôn nhân, chị phát hiện có u tuyến giáp ở cổ nên gia đình anh D yêu cầu chị phải mổ u tuyến giáp để không di căn sau này. Sau khi mổ xong, bị biến chứng nên chị không nói được trong vòng gần 01 năm và phải đi châm cứu giọng nói ở Hà Nội. Chị đi xạ trị nhưng bác sĩ bảo phải mổ lại trong vòng 03 tháng nhưng chị không đồng ý, từ đó, ảnh hưởng nhiều đến cuộc sống của vợ chồng về vấn đề sinh lý, sức khỏe. Chị còn mâu thuẫn với bác sĩ đã mổ tuyến giáp cho chị ở bệnh viện đa khoa tỉnh Hải Dương rồi phải trốn ra Quảng Ninh ở cho đến khi mọi chuyện được anh D lo liệu, chị mới về, từ đó phát sinh nhiều mâu thuẫn vợ chồng. Từ ngày đi mổ đến nay, chị về nhà ngoại ở. Đến năm 2023, anh chị có con chung. Do mâu thuẫn vợ chồng, anh chị đã ly thân được một năm nay và đã nhiều lần ly thân với nhau, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay, anh D xin ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về quan hệ con chung: Anh D và chị Th đều trình bày, anh chị có 01 con chung là Lê Bảo A, sinh ngày: 14/4/2023. Từ khi vợ chồng ly thân cho đến nay, con chung vẫn ở với mẹ nên anh chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị Th nuôi dưỡng, tiền cấp dưỡng nuôi con đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Hiện nay, anh D là lao động tự do, thu nhập hàng tháng được khoảng 10 đến 12 triệu đồng. Chị Th đi bán hàng thuê, thu nhập trung bình khoảng 05 đến 07 triệu đồng/tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, về các khoản nợ chung, cho vay chung, nợ riêng, cho vay riêng, công sức đóng góp với gia đình hai bên: anh D và chị Th đều trình bày anh chị không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai, bà Hoàng Thị Th là mẹ đẻ của anh D và ông Phan Văn H là bố đẻ của chị Th trình bày, về quan hệ vợ chồng, con chung, tài sản chung của anh D và chị Th như nội dung anh chị đã trình bày. Về quan hệ vợ chồng, bà Th đề nghị Tòa án giải quyết cho anh D ly hôn với chị Th còn ông H đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Về con chung của anh chị, bà Th và ông H đều đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, nợ chung của anh chị, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Ông H đã trình bày nhưng lại từ chối ký biên bản ghi lời khai của mình.

Theo Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã YK thể hiện: Chị Phan Thị Th và anh Lê Công D kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã YK, huyện GiL, tỉnh Hải Dương đăng ký kết hôn vào ngày 15/4/2021. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh D. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được 06

tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách vợ chồng không hòa hợp, không chia sẻ được với nhau, không có tiếng nói chung, không thông cảm và không thống nhất trong làm ăn kinh tế. Chị Th phải đi bệnh viện điều trị bệnh, sức khỏe không được như ý nên cuộc sống chung vợ chồng bất đồng, thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng sống ly thân nhiều lần. Chị Th đã về ở nhờ nhà bố mẹ đẻ nên vợ chồng không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, lạnh nhạt. Nay, anh D xin ly hôn chị Th, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Về con chung, anh chị có một con chung đang ở với chị Th, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Anh D hiện làm lao động tự do như anh D trình bày là đúng, chị Th làm gì, địa phương không nắm được. Tài sản chung, tài sản riêng, các khoản nợ chung, cho vay chung, nợ riêng, cho vay riêng, công sức đóng góp với gia đình hai bên không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Anh Lê Công D và chị Phan Thị Th đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Anh D vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn, chị Th vẫn không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị Th nuôi dưỡng, anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, anh chị không có yêu cầu gì khác.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 116; Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227; Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình quy định mức cấp dưỡng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con. Căn cứ vào Điều 3 Nghị định số: 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: xử cho anh Lê Công D được ly hôn chị Phan Thị Th. Về quan hệ con chung: xử chấp nhận sự thỏa thuận của anh D và chị Th, giao con chung Lê Bảo A, sinh ngày: 14/4/2023 cho chị Th tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê Công D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Phan Thị Th số tiền là 2.205.000 đồng/tháng (*Hai triệu hai trăm linh năm ngàn đồng/tháng*), thời gian kể từ tháng 05/2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, chị Th có đơn yêu cầu thi hành án mà anh D thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng (*trả tiền*) thì anh D phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương

ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền thì thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự. Anh Lê Công D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về án phí: Buộc anh Lê Công D phải chịu án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật là 300.000 đồng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh đã nộp là 300.000 đồng. Anh D còn phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và ấn định thời gian mở phiên tòa vào ngày hôm nay. Anh Lê Công D và chị Phan Thị Th đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh D và chị Th theo quy định tại Điều 227; Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ vợ chồng: Anh Lê Công D và chị Phan Thị Th được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã YK, huyện GiL, tỉnh Hải Dương vào ngày 15/4/2021 là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung của anh chị hạnh phúc được 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, kinh tế vợ chồng không tập trung. Vợ chồng không thông cảm, chia sẻ được với nhau, không còn quan tâm đến nhau, mỗi người ở một nơi và đã sống ly thân nhiều lần. Anh chị đã từng làm đơn xin ly hôn tại Tòa án rồi lại rút đơn về nhưng tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Bản thân chị Th cũng thừa nhận cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, không còn tình cảm với nhau, anh D xin ly hôn, chị Th đề nghị giải quyết theo pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của anh D và chị Th đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho anh D được ly hôn với chị Th là phù hợp với quy định tại Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về quan hệ con chung: anh chị có 01 con chung là Lê Bảo A, sinh ngày: 14/4/2023 đang được chị Th nuôi dưỡng và anh chị đều có nguyện vọng đề nghị Tòa án giao con chung cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh chị đều đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử nhận thấy, anh chị đều có nguyện vọng giao con chung cho chị Th nuôi dưỡng, chị Th yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật, anh D đồng ý. Căn cứ vào khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình quy định mức cấp dưỡng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con; Điều 3 Nghị định số: 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy

định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động thì mức lương tối thiểu tháng tại vùng II huyện GiL là 4.410.000 đồng: 2 = 2.205.000 đồng/tháng. Do đó, Hội đồng xét xử thấy, sự thỏa thuận của anh D và chị Th về việc giao con chung cho chị Th nuôi dưỡng là phù hợp pháp luật, đảm bảo cho con chung của anh chị được ổn định nơi ăn chốn ở và thuận lợi về mọi mặt nên chấp nhận sự thỏa thuận của anh chị về việc giao con chung cho chị Th nuôi dưỡng, buộc anh D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cho chị Th với mức cấp dưỡng là 2.205.000 đồng/tháng như đã phân tích ở trên mới phù hợp pháp luật. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81; Điều 82 và Điều 83; Điều 116; Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung, tài sản riêng, về các khoản nợ chung, cho vay chung, nợ riêng, cho vay riêng, công sức đóng góp với gia đình hai bên: Anh Lê Công D và chị Phan Thị Th đều trình bày anh chị không có và đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Anh Lê Công D xin ly hôn chị Phan Thị Th nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí anh D đã nộp. Anh D còn phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 116; Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 227; Điều 228; điểm a, b khoản 1 Điều 238; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình quy định mức cấp dưỡng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con; Điều 3 Nghị định số: 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động; Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. *Về quan hệ vợ chồng:* xử cho anh Lê Công D được ly hôn chị Phan Thị Th.

2. *Về quan hệ con chung:* xử chấp nhận sự thỏa thuận của anh D và chị Thêu, giao con chung Lê Bảo A, sinh ngày: 14/4/2023 cho chị Th tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê Công D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Phan Thị Th số tiền là 2.205.000 đồng/tháng (*Hai triệu hai trăm linh năm ngàn đồng/tháng*), thời gian kể từ tháng 05/2025 đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng, chị Th có đơn yêu cầu thi hành án mà anh D thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ cấp dưỡng (trả tiền) thì anh D phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền thì thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Anh Lê Công D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Lê Công D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí sơ thẩm Hôn nhân và gia đình nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh D đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/24 số: 0000633 ngày 20 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GiL. Anh D còn phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt anh Lê Công D và chị Phan Thị Th. Anh D và chị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện GiL;
- Chi cục THADS huyện GiL;
- Các đương sự;
- UBND xã YK, huyện GiL;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thúy Hạnh